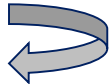


Vui lòng nộp cho trường dự kiến học lên chậm nhất vào ngày 8 tháng 4 năm 2026 (Thứ Tư).
(※ Trường hợp nhà trường có chỉ định thời hạn riêng, vui lòng ưu tiên theo thời hạn đó.)

Những điều cần lưu ý khi điền và Ví dụ cách điền “Giấy thông báo nhập học”

Vui lòng nộp cùng với “Giấy chứng nhận vay Khoản vay học bổng” cho trường dự kiến học lên.

Vui lòng tham khảo mặt sau để xem Ví dụ cách điền Giấy chứng nhận vay Khoản vay học bổng.



Vui lòng không cắt rời, giữ nguyên biểu mẫu và nộp trực tiếp cho trường.

Vui lòng điền ngày, tháng.

«Mục Họ tên người vay (học sinh nhận học bổng)»

- Học sinh nhận học bổng vui lòng tự điền họ tên.
- Những người đã thay đổi họ tên cần phải ghi họ tên mới vào mục Họ tên đã thay đổi (vui lòng điền cả phiên âm). Ngoài ra, vui lòng nộp bản sao sổ ngân hàng đứng tên họ tên mới của tài khoản đã đăng ký tại thời điểm nộp hồ sơ.

«Mục Họ tên người bảo lãnh liên đới»

- Vui lòng điền họ tên người bảo lãnh liên đới.
- Những người đã thay đổi họ tên cần phải ghi họ tên mới vào mục Họ tên đã thay đổi (vui lòng điền cả phiên âm).

«Mục Thông tin liên hệ vào ban ngày»

- Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, Quý Osakafu Ikueikai (TEL: 06-6357-6272) sẽ liên hệ. Vui lòng điền số điện thoại để liên lạc vào ban ngày.

B1

提出先
高等学校等

— 令和8年度 —

公益財団法人 大阪府育英会 理事長様

このたび、下記の学校へ進学しましたので、お届けいたします。(注)氏名が変わったときは記入してください。

借用人氏名 (奨学生本人) (自書)	ショウガク ノゾミ	フリガナ	(注) 改氏名	※申込み時に届け出た口座の新氏名に変更した通帳コピーを提出してください。
フリガナ 連帯保証人氏名 (自書)	ショウガク タロウ	フリガナ	(注) 改氏名	
進学先学校名	〇 〇 高等	学 科 (コース)	普通	

進学校
受付印

の
資
育

進学届
提出先
高等学校等

進学届
(注)各自で記入してください。

1 2 受付番号 6 様式第16号

1 20001

記入日: 2026 年 〇 月 〇〇 日

借用人氏名 (奨学生本人) (自書)	ショウガク ノゾミ	フリガナ	(注) 改氏名	※申込み時に届け出た口座の新氏名に変更した通帳コピーを提出してください。
フリガナ 連帯保証人氏名 (自書)	ショウガク タロウ	フリガナ	(注) 改氏名	
進学先学校名	〇 〇 高等	学 科 (コース)	普通	

日中 連絡先	氏名	奨学 花子 エリザベス	＜育英会使用欄＞
電話	*** — **** — ****	続柄 (母)	学 校 番 号 枝 学 科 区 特待

私立の学校に進学された特待生の方のみ記入

私立の学校に進学された方で、学校設置者から授業料の減額又は免除を受ける者(特待生)は、☐特待生にチェック☑をし、減額又は免除後の額を記入してください。

年間授業料

15 百万 十万 万 千 百 十 円

0 〇

☒特待生

貸付限度額(年額)について

貸付予定者決定通知書に記載の決定内容を確認し、貸付限度額(年額)をご確認ください。

① 採用(国公立・私立のどちらに進学した場合も借入可能です。)と記載のある方

■ 国公立の高等学校等(高等専門学校は除く)に進学された方

■ 大阪府私立高校生等就学支援推進校(全日制)に進学された方

貸付限度額(年額): 1 0 万円

※国の就学支援金や大阪府授業料支援補助金が支給され、授業料が無償となりますので、1 0 万円(その他教育費)の貸付となります。

② 採用(私立に進学した場合のみ借入可能です。ただし、授業料が無償の場合、貸付対象外となります。)と記載のある方

■ 大阪府私立高校生等就学支援推進校(全日制)に進学された方

貸付限度額(年額): 0 円(貸付対象外)

※国の就学支援金や大阪府授業料支援補助金が支給され、授業料が無償となりますので、貸付対象外となります。

■ 上記以外の学校に進学された方

別紙「貸付限度額(年額)について」を参照に貸付限度額(年額)をご確認ください。

高校等在学中に希望する借入金額(年額)を修業年限分記入し、その合計額と借用金額を記入のうえ、

B2 奨学資金借用証書に転記してください。

借 入 期 間	希望する借入金額(年額)																
2026年4月 ~ 2029年 3月	1年	百万	十万	万	千	百	十	円	4年 定時制・高専	百万	十万	万	千	百	十	円	
		1	〇	〇	〇	〇	〇	〇						0	0	0	
借 入 年 数	2年	百万	十万	万	千	百	十	円	5年 高専	百万	十万	万	千	百	十	円	
		1	〇	〇	〇	〇	〇	〇						0	0	0	
3 年	〇 か月	3年	百万	十万	万	千	百	十	円	合計	百万	十万	万	千	百	十	円
			1	〇	〇	〇	〇	〇		3	〇	〇	〇	〇	〇	〇	

希望する借入金額(年額)の合計が借用金額となります。借用金額欄にご記入ください。

借用金額

百万 十万 万 千 百 十 円

3 〇 〇 〇 〇 〇 〇

振込先口座

ゆうちょ銀行

貸付日: 令和8年6月1日(月)

・貸付額により、第2回(10/13)、第3回(2/1)の貸付があります。

・1回あたりの貸付上限額は、原則、国公立で1 0 万円、私立で2 0 万円です。

・貸付期間は、進学した学校の正規の最短修業期間です。

5) 奨学金の貸付を受けた奨学生については、貸付した額及び時期を学校長を通じて通知します。

6) 奨学金の返還は、卒業した年の1 0 月から、毎月決められた金額を借用人(生徒本人)の預貯金口座から口座振替(自動引落し)で返還していただきます。

【問い合わせ先】

公益財団法人 大阪府育英会 採用貸付課

〒534-0026 大阪市都島区網島町6番20号 大阪私学会館2階

TEL 06-6357-6272 FAX 06-6358-3053

業務時間 平日 9:00 ~ 17:30

ホームページもご覧ください>>>

大阪府育英会

- Vui lòng điền bằng bút mực đen hoặc bút bi. Không sử dụng bút bi có thể xóa.
- Khi cần sửa nội dung đã điền, vui lòng dùng thước kẻ hai đường lên phần cần sửa, sau đó viết lại nội dung đúng ở phía trên (phản trắng). (Không cần đóng dấu xác nhận sửa.)

Việc điền thông tin “bắt buộc” do chính người nộp tự điền.

«Mục Tên trường dự kiến học lên»

- Vui lòng điền tên trường, tên khoa (tên khóa học). (Ví dụ: phổ thông, tổng hợp, dự bị đại học, v.v.)
- Vui lòng khoanh tròn “〇” vào hệ đào tạo tương ứng.
- Vui lòng điền tháng, năm dự kiến tốt nghiệp và thời gian học tối thiểu chính thức của trường.

※ Lưu ý ※
Chỉ học sinh ưu tiên đặc biệt nhập học vào các trường trung học phổ thông tự thực, v.v. mới cần điền mục này. Các trường hợp khác (không phải học sinh ưu tiên đặc biệt) không cần điền.

«Mục Học phí hằng năm»

- Trường hợp được giảm hoặc miễn học phí từ đơn vị quản lý của trường dự kiến học lên, vui lòng đánh dấu ✓ vào ô ☐ Học sinh ưu tiên đặc biệt* và điền số tiền học phí sau khi đã được giảm/miễn.
- Vui lòng xác nhận số tiền học phí với trường dự kiến học lên. Số tiền này không bao gồm các chi phí khác ngoài học phí.

«Mục Thời gian vay» Thời gian tính từ hiện tại đến thời điểm dự kiến tốt nghiệp
«Mục Số năm vay» Số năm học tối thiểu chính thức cho đến khi tốt nghiệp.
«Mục Số tiền vay mong muốn (theo năm)»

- Vui lòng tham khảo tài liệu đính kèm “Cách tính hạn mức cho vay (theo năm)”, sau đó ghi số tiền vay mong muốn (theo năm) trong phạm vi hạn mức cho vay (theo năm).
- Trường hợp hạn mức cho vay có số lẻ dưới 1.000 yên, vui lòng làm tròn lên theo đơn vị 1.000 yên.
- Ngoài ra, trong trường hợp đăng ký vay thấp hơn hạn mức, số tiền phải ghi theo đơn vị 10.000 yên.

«Mục Số tiền vay»

- Tổng số tiền vay mong muốn (theo năm) sẽ được ghi là Số tiền vay.

(Lưu ý) Mức tiền cho vay có thể được điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi về nội dung của các chế độ tiền hỗ trợ từ Nhà nước hoặc tỉnh Osaka.

● Vui lòng dùng bút mực đen hoặc bút bi để điền.
Không sử dụng bút bi có thể xóa.

● Trường hợp cần sửa nội dung đã điền, vui lòng dùng thước kẻ kẻ hai đường gạch lên phần cần sửa rồi viết lại nội dung đúng ở phía trên (phần trống), sau đó đóng dấu ở phần nội dung đã sửa nằm trên hai đường gạch.

(Ví dụ) 6-20 Amijimacho, quận Miyakojima, thành phố Osaka

2-2-20 Tanimachi, Quận Chuo, thành phố Osaka

● Trường hợp cần đóng lại dấu do dấu đóng sai, dấu không rõ nét, v.v., vui lòng kẻ hai đường gạch, rồi đóng dấu mới gần ô đóng dấu, trong phần viết tương ứng của người liên quan (vui lòng đóng sao cho các dấu không chồng lên nhau).

氏名	(フリガナ) ショウガク タロウ	実印
氏名	奨学 太郎	実印
外国籍の方で、氏名欄に通名を記入した場合、本名を記入してください。	(フリガナ)	印

◀◀Mục Tên trường dự kiến học lên▶▶
● Vui lòng điền tên trường sẽ nhập học, tên khoa (tên khóa học). (Ví dụ: (khoa) phổ thông, (khoa) tổng hợp, (khóa học) dự bị học lên, v.v.)
● Vui lòng khoanh tròn “○” vào hệ đào tạo phù hợp.

◀◀Mục Người vay▶▶
● Học sinh vui lòng tự điền và đóng dấu.
● Học sinh là người chịu trách nhiệm hoàn trả.

◀◀Mục Người bảo lãnh liên đới▶▶ (*Người bảo lãnh liên đới tại thời điểm nộp hồ sơ được in sẵn ở góc trên bên phải)
● Người bảo lãnh liên đới vui lòng tự điền và đóng dấu.
● Bắt buộc sử dụng con dấu chính thức (trùng với con dấu trên Giấy chứng nhận đăng ký con dấu).
● Trường hợp không có việc làm, vui lòng điền “không có việc làm” hoặc “không” vào mục Tên nơi làm việc.

◀◀Mục Sự đồng ý của người có quyền giám hộ ▶▶
● Cha và mẹ là người có quyền giám hộ đối với học sinh, mỗi người vui lòng tự điền và đóng dấu.
● Đối với gia đình mẹ đơn thân, vui lòng gạch chéo vào mục cha; đối với gia đình cha đơn thân, vui lòng gạch chéo vào mục mẹ.
● Trường hợp người giám hộ thực hiện quyền giám hộ, vui lòng khoanh tròn chữ người giám hộ và điền mối quan hệ.

Mỗi người vui lòng tự điền và tự đóng dấu!
*** Vui lòng không sử dụng con dấu có sẵn mực!**
(Trường hợp gặp khó khăn trong việc ký tên do khuyết tật, bệnh tật, chấn thương, v.v. và phải nhờ người khác viết thay, cần đính kèm bản giải trình.
Đối với người nước ngoài gặp khó khăn khi điền bằng tiếng Nhật, vui lòng tự viết bằng chữ cái tiếng Anh.)

Những điều cần lưu ý khi điền và Ví dụ cách điền
“Giấy chứng nhận vay Khoản vay học bổng”

Vui lòng nộp cùng với “Giấy thông báo nhập học” cho trường dự kiến học lên.

B2	提出先 高等学校等	奨学資金借用証書	受付番号 - 26 - 20001	借用人 シヨウガク ノゾミ Shogaku Taro
公益財団法人 大阪府育英会理事長 様				
私は、貴会より下記金額を借用します。ついては、裏面に記載の貴会奨学金貸付返還規程等を守り、約束どおり返還することを下記の者連署して誓約します。万一、返還を怠った場合には、延滞金を課せられ、強制執行の手続きをとられても異議ありません。また、連帯保証人に対する履行の請求をした場合は、借用人に対してもその効力が及ぶことに同意いたします。 なお、裏面記載の「個人情報利用目的等」につき承諾し、個人情報の取扱いについても同意いたします。 ※奨学資金の借入金額(年額)は、「貸付限度額」の範囲内で奨学生の希望する額とする。 (大阪府育英会奨学金貸付返還規程第11条第1項) ※育英会は、奨学生の保護者の前々年の所得状況をもって計算した貸付限度額の範囲内で貸付年額を奨学生に通知する。 (大阪府育英会奨学金貸付返還規程第14条第1項) ※奨学資金貸付時期及び額は、貸付年額に応じ定める。 (大阪府育英会奨学金貸付返還規程第13条第1項及び同施行細則第9条及び第10条)				
借入期間 2026年4月 ~ 2029 年3月		希望する借入金額(年額)		
借入年数 3 年 0 か月		合計 3 0 0 0 0 0		
借入金額 ¥ 3 0 0 0 0 0		希望する借入金額(年額)の合計が借入金額となります。 借入金額欄にご記入ください。 借入金額の記入ミス・訂正は不可。 再発行を育英会に申し出てください。		
(注) 各自で記入し、各自のハ				
Vui lòng điền ngày, tháng				
記入日: 2026 年 〇 月 〇〇 日				
(学校名) 〇 〇 高等 学校 全日制 通信制 普通 科(コース)				
(自書)	氏名	奨学 希望	生年月日	昭和 22 年 8 月 17 日生
	住所	〒534-0000 大阪市〇〇区〇〇町1-2-3	電話	****4567@***.*.jp
	勤務先	株式会社 〇〇〇〇	電話	** - **** - ****
(自書)	氏名	奨学 太郎	生年月日	平成 55 年 4 月 10 日生
	住所	〒534-0000 大阪市〇〇区〇〇町1-2-3	電話	****0123@***.*.jp
	勤務先	住所 大阪市〇〇区〇〇1-2-3	電話	** - **** - ****
(自書)	氏名	奨学 太郎	生年月日	平成 55 年 4 月 10 日生
	住所	〒534-0000 大阪市〇〇区〇〇町1-2-3	電話	**** - **** - ****
	氏名	奨学 花子 エリザベス	生年月日	昭和 1981 年 1 月 1 日生
住所	〒534-0000 大阪市〇〇区〇〇町1-2-3	電話	**** - **** - ****	

*Không được sử dụng các cách ghi như “như trên”, “//”, v.v.

Trường hợp nhập học tại các trường dưới đây thì không cần dán tem thuế:

- Trường trung học phổ thông
- Trường trung học cơ sở
- Trung học phổ thông (giai đoạn sau)
- Trường hỗ trợ đặc biệt (bậc trung học)
- Trường dạy nghề – bậc trung học
- Trường chuyên môn bậc cao

<Số tiền tem thuế cần dán>

Căn cứ theo số tiền vay:

- Trên 100.000 yên đến 500.000 yên → 400 yên
- Trên 500.000 yên đến 1.000.000 yên → 1.000 yên
- Trên 1.000.000 yên đến 5.000.000 yên → 2.000 yên

<<Thời gian vay, v.v.>>

[Thời gian vay] Thời gian cho đến thời điểm dự kiến tốt nghiệp

[Số năm vay] Số năm học tối thiểu chính thức cho đến khi tốt nghiệp

[Mục Số tiền vay mong muốn (theo năm)]

Vui lòng chép lại “Số tiền vay mong muốn (theo năm)” đã điền trong Giấy thông báo nhập học.

<<Mục Số tiền vay>>

Vui lòng chép lại “Số tiền vay” đã điền trong Giấy thông báo nhập học.

* Nếu điền sai “Số tiền vay” sẽ không thể sửa lại!!
(Vui lòng liên hệ Quỹ Osakafu Ikueikai.)

(Lưu ý) Mức tiền cho vay có thể được điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi về nội dung của các chế độ tiền hỗ trợ từ Nhà nước hoặc tỉnh Osaka.